

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 24/2017/HSST.
Ngày 10/8/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Quang Thập; nghề nghiệp: Công chức; Chức vụ: Bí thư Huyện đoàn Cầu Ngang.

Ông Mai Thanh Chúc; nghề nghiệp: Công chức; chức vụ: Giám đốc Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện Cầu Ngang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đào, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 8 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST, ngày 04 tháng 7 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/HSST-QĐ, ngày 26/7/2017 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo. Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 và bà Trần Thị L, sinh năm 1971; anh, chị, em ruột chỉ có 01 mình bị cáo. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn N: Bà Phạm Thị Thiên Phương là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người bị hại: Em Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Trần Minh C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Mỹ D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 12, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ông Trần Minh C và bà Trần Mỹ D ủy quyền cho bà Sơn Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh, làm người đại diện. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Nguyễn Công Hiệu là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986. Vắng mặt không có lý do.

Bà Trần Thị L, sinh năm 1971. Có mặt.

Cùng trú : Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng: Anh Trần Văn V, sinh năm 1986. Địa chỉ: khóm A, thị trấn CN, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:

- Một quần jean nữ, loại quần đùi ngắn, màu tím, phía trước có 04 nút quần làm bằng kim loại màu trắng, lưng quần dài 31cm, chiều dài của quần là 29cm, quần cũ đã qua sử dụng.

- Một áo thun nữ, loại áo ba lỗ màu hồng, phía trước áo có xích kéo, dài 16cm, áo có chiều ngang lớn nhất 33cm, chiều dài lớn nhất 51cm, áo cũ đã qua sử dụng.

- Một quần lót nữ, làm bằng vải thun màu xanh, trên lưng quần có dòng chữ “CK”, quần có chiều ngang lớn nhất 25cm, chiều dài lớn nhất 16cm, quần cũ đã qua sử dụng.

- Một áo lót nữ, màu trắng, chiều dài dây thắt lưng 63cm, áo cũ đã qua sử dụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 25/4/2017 Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô 84G1-034.21 chở Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002 đến nhà trọ "P", thuộc khóm A, thị trấn CN, tại đây có Lâm Thành L, Nguyễn Duy K, lúc này N ngồi đánh bài cùng với K và L còn Trần Thị Mỹ H lên giường nằm ngủ, được một lúc thì L điều khiển xe chở K đi đám cưới nhà Lê Hữu T ở khóm A, thị trấn CN. Còn lại N và H ở trong phòng trọ, lúc này N khép cửa phòng rồi lên giường nằm cạnh H, trong lúc nói chuyện qua lại thì N dùng tay ôm H và hôn vào mặt H, thấy H không phản ứng nên N nảy sinh ý định quan hệ tình dục, N dùng hai tay sờ ngực sau đó cởi áo ngoài, áo ngực của H ra khỏi người, tiếp tục cởi quần ngoài và quần lót của H ra khỏi chân, N

tự cởi áo và quần của mình ra khỏi người rồi nằm lên người của H, N đưa dương vật đang cương cứng vào trong âm đạo của H để quan hệ tình dục được khoảng 06 phút thì thỏa mãn dục vọng. Khi quan hệ tình dục xong N và H đi đám cưới nhà của Lê Hữu T. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày N điều khiển xe chở H đến nhà của Đặng Thị Anh Đ ở ấp 14, xã L, thị xã D, sau đó H nhờ Đ lấy xe đạp chở về nhà. Đến ngày 27/4/2017 bà Sơn Thị N là bà nội ruột của H trình báo Công an huyện Cầu Ngang, vụ việc được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Ngang xác minh làm rõ, N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ kết luận giám định pháp y số 18/TD ngày 22/5/2017 của Trung tâm Pháp Y - Sở y tế tỉnh Trà Vinh, kết luận: Các dấu vết thu thập được tại thời điểm giám định (ngày 22/5/2017) của Trần Thị Mỹ H màng trinh dài khoảng 2,5 cm và rách cũ ở 5 vị trí: 01 giờ, 03 giờ, 09 giờ, 12 giờ (rách chưa đến chân màng trinh), vị trí 06 giờ (rách đến chân màng trinh).

Ngày 05/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cầu Ngang khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Nguyễn Văn N về tội Giao cấu với trẻ em.

Tại bản Cáo trạng số: 17/VKS-HS, ngày 04/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Giao cấu với trẻ em” quy định tại khoản 01 Điều 115 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận vào khoảng 09 giờ ngày 25/4/2017 tại phòng trọ số 18 thuộc nhà trọ "P", ở khóm A, thị trấn CN, huyện Cầu Ngang, bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002 (*chưa tròn 15 tuổi*). Bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa em Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002 khai vào khoảng 09 giờ ngày 25/4/2017 tại nhà trọ "P", bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi ôm hôn môi, dùng tay phải sờ vào ngực, dùng tay cởi áo, cởi quần dài và quần lót của H ra khỏi chân rồi quan hệ tình dục với H là đúng sự thật. Em H thừa nhận việc quan hệ tình dục với bị cáo là tự nguyện không ai ép buộc. Về vật chứng em H không nhận lại và đề nghị Tòa xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà N khai: Thời điểm bị cáo quan hệ tình dục với H, lúc này cháu H chưa tròn 15 tuổi. Sự việc đã xảy ra rồi, nay bà yêu cầu Tòa xử theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, bà L (*mẹ bị cáo*) đã bồi thường 6.050.000 đồng, nay bà không có yêu cầu gì thêm. Về vật chứng là tài sản của em H, bà N ý kiến là không nhận lại và đề nghị Tòa xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà L khai: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo N có tác động đến bà (*mẹ bị cáo*) về bồi thường thiệt hại cho em H và bà đã thực hiện bồi thường 6.050.000 đồng cho bà N đại diện em H nhận xong. Đối với vật chứng gồm một quần jean nữ, loại quần đùi ngắn, màu tím, phía trước có 04 nút quần làm bằng kim loại màu trắng, lưng quần dài 31cm, chiều dài của quần là 29 cm, quần cũ đã qua sử dụng và một áo thun nữ, loại áo ba lỗ màu hồng, phía trước áo có xích kéo, dài 16cm, áo có chiều

ngang lớn nhất 33cm, chiều dài lớn nhất 51cm, áo cũ đã qua sử dụng. là tài sản bà mua cho chị L mặc, khi chị L lấy chồng bỏ tại nhà cho bà quản lý, nay bà không nhận lại và đề nghị Tòa xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Đặng Văn Quốc đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Giao cấu với trẻ em”, áp dụng khoản 01 Điều 115; điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi giao cấu với em H chưa tròn 15 tuổi, là vi phạm pháp luật, bị cáo có tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bà Phạm Thị Thiên Phương bào chữa cho bị cáo cũng khẳng định bản Cáo trạng số: 17/VKS-HS, ngày 04/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang truy tố bị cáo về tội “*Giao cấu với trẻ em*” quy định tại khoản 01 Điều 115 của Bộ luật hình sự là đúng. Trợ giúp viên pháp lý không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho người bị hại, người thân của bị cáo có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Công Hiệu là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại cho rằng khoảng 9 giờ ngày 25/4/2017 tại phòng trọ số 18 thuộc nhà trọ "P", ở khóm A, thị trấn CN, huyện Cầu Ngang, bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi giao cấu với Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002 (*chưa tròn 15 tuổi*) đã phạm tội giao cấu với trẻ em được quy định tại khoản 01 điều 115 của Bộ luật hình sự. Trợ giúp viên pháp lý thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Ngoài ra ông Nguyễn Công Hiệu - Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận vào khoảng 09 giờ ngày 25/4/2017 tại phòng trọ số 18 thuộc nhà trọ "P", ở khóm A, thị trấn CN, huyện Cầu Ngang, bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi giao cấu với em Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 28/4/2002 (*chưa tròn 15 tuổi*). Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại cùng với các chứng cứ khác có được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội "*Giao cấu với trẻ em*" quy định tại khoản 01 Điều 115 của Bộ luật Hình sự. Xét bản cáo trạng số:17/VKS-HS, ngày 04/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

- Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

+ Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ em Trần Thị Mỹ H là trẻ em, mặt dù người bị hại không kháng cự, việc giao cấu diễn ra hoàn toàn tự nguyện, có sự đồng tình hai bên, không bên nào ép buộc bên nào, từ đó bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu nhằm thỏa mãn nhu cầu về tình dục của bản thân. Chỉ vì dục vọng thấp hèn nhằm thỏa mãn nhu cầu ham muốn về tình dục đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

+ Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức và biết được hành vi giao cấu với người bị hại dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện đến cùng, với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, qua đó thể hiện bị cáo bất chấp xem thường pháp luật cũng như danh dự nhân phẩm của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo ngoài việc xâm phạm đến danh dự nhân phẩm, sức khỏe, sự phát triển về tâm sinh lý của người bị hại mà còn ảnh hưởng đến tâm lý và hạnh phúc gia đình sau này của người bị hại, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, bị cáo tác động đến gia đình đã khắc phục hậu quả về bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho người bị hại, người thân của bị cáo có công cách mạng. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p

khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về bồi thường danh dự, nhân phẩm: Tại phiên tòa bà N và em H không đặt ra yêu cầu bồi thường tiếp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Thiên Phương bào chữa cho bị cáo và lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Công Hiệu bảo vệ cho người bị là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vật chứng:

- *Xét các vật chứng gồm:* Một quần jean nữ, loại quần đùi ngắn, màu tím, phía trước có 04 nút quần làm bằng kim loại màu trắng, lưng quần dài 31cm, chiều dài của quần là 29cm, quần cũ đã qua sử dụng, Một áo thun nữ, loại áo ba lỗ màu hồng, phía trước áo có xích kéo, dài 16cm, áo có chiều ngang lớn nhất 33cm, chiều dài lớn nhất 51cm, áo cũ đã qua sử dụng là tài sản của bà L.

- *Xét các vật chứng gồm:* Một quần lót nữ, làm bằng vải thun màu xanh, trên lưng quần có dòng chữ “CK”, quần có chiều ngang lớn nhất 25cm, chiều dài lớn nhất 16cm, quần cũ đã qua sử dụng; Một áo lót nữ, màu trắng, chiều dài dây thắt lưng 63cm, áo cũ đã qua sử dụng là tài sản của em H bị thu giữ để điều tra vụ án.

Tại phiên tòa bà L, bà N và em H không nhận lại các vật chứng này, xét thấy các vật chứng này không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N thuộc diện hộ cận nghèo. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn N được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn N phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

- Áp dụng khoản 01 Điều 115; điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 07 tháng 6 năm 2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- Một quần jean nữ, loại quần đùi ngắn, màu tím, phía trước có 04 nút quần làm bằng kim loại màu trắng, lưng quần dài 31cm, chiều dài của quần là 29 cm, quần cũ đã qua sử dụng.

- Một áo thun nữ, loại áo ba lỗ màu hồng, phía trước áo có xích kéo, dài 16cm, áo có chiều ngang lớn nhất 33 cm, chiều dài lớn nhất 51 cm, áo cũ đã qua sử dụng.

- Một quần lót nữ, làm bằng vải thun màu xanh, trên lưng quần có dòng chữ “CK”, quần có chiều ngang lớn nhất 25 cm, chiều dài lớn nhất 16 cm, quần cũ đã qua sử dụng.

- Một áo lót nữ, màu trắng, chiều dài dây thắt lưng 63 cm, áo cũ đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N được miễn nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thanh Lâm